

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2021

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.
2. Ông Lê Ngọc Phi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1993.

HKTT: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Lê Quốc L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Chị X, anh L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thanh X trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì chị X và anh Lê Quốc L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2009 nhưng không tổ chức lễ cưới và đến ngày 05-3-2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trong thời gian này thì vợ chồng sống chung với

gia đình chồng, sống hạnh phúc đến năm cuối năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh L không có trách nhiệm với gia đình. Mỗi lần nhậu về anh L thường chửi bới, đánh chị X rất nhiều lần nhưng chị X không báo chính quyền địa phương. Nay, chị X yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị X xin được ly hôn với anh L.

Về nuôi con chung: Chị X và anh L có 01 người con chung là Lê Quốc H, sinh ngày 06-12-2013, chị X đồng ý để anh L được quyền nuôi dưỡng còn chị X không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Quốc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao con chung cho anh L được quyền nuôi dưỡng; chị X không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị X và anh L sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị X yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh L là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị X vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2009 chị X, anh L tự nguyện chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới và đến ngày 05-3-2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo chị X nguyên nhân mâu thuẫn do anh L sống không có trách nhiệm với gia đình. Ngoài ra sau mỗi lần uống rượu say thì anh L thường chửi bới rồi đánh chị X. Đến năm 2015, vì không thể tiếp tục chung sống nên chị X xin phép chồng và mẹ chồng được dẫn theo con chung ra ngoài để làm ăn nhưng không được đồng ý. Từ đó cho đến nay thì vợ chồng chị X đã ly thân. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị X, Tòa án đã triệu tập anh L để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh L vẫn không đến. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa chị X và anh L là có thật. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị X được ly hôn với anh L.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét thấy, từ khi chị X và anh L ly thân thì con chung là cháu Lê Quốc H, sinh ngày 06-12-2013 do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu Huy đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với cha. Chị X cũng đồng ý để anh L tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp; chị X không cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh X và anh Lê Quốc L.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh X và anh Lê Quốc L có 01 người con chung là Lê Quốc H, sinh ngày 06-12-2013;

Giao con chung Lê Quốc H, sinh ngày 06-12-2013 cho anh Lê Quốc L trực tiếp nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị Thanh X không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thanh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà chị X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0004888 ngày 15 tháng 10 năm 2020; chị Nguyễn Thị Thanh X đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga